

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 09h00 * Ngày thi: 11/05/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29204633530	Đặng Bảo	Anh	26/03/2005	Đắk Lắk	31THT4	7.3	8.5	Đạt	
2	27203343434	Lê Thị Kim	Anh	19/11/2003	Quảng Bình	30THT13	6.7	5.0	Đạt	
3	28216203808	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/06/2004	Gia Lai	31THT4	5.0	6.0	Đạt	
4	27205302729	Trần Thị Thu	Anh	11/03/2003	Đắk Lắk	31TBN4	5.0	6.3	Đạt	
5	27217227229	Trương Nhật	Bảo	04/05/2003	Quảng Nam	31TBN5	V	V	Không Đạt	
6	28208101243	Võ Thị	Bé	03/10/2004	Bình Định	31TBN4	5.3	6.8	Đạt	
7	28206523701	Đặng Thị Kim	Chi	18/10/2004	Đắk Lắk	31TBN5	7.7	8.5	Đạt	
8	27202934693	Lương Thị	Diệp	19/12/2003	Hà Tĩnh	31TBN2	5.0	5.0	Đạt	
9	28204604862	Cao Đặng Thùy	Dung	28/01/2004	Phú Yên	31TBN5	4.7	3.3	Không Đạt	
10	28204605528	Nguyễn Thị Thùy	Dung	07/07/2004	Quảng Nam	31THT4	6.3	7.5	Đạt	
11	28212502915	Nguyễn Văn	Dũng	01/08/2004	Quảng Nam	31THT4	9.0	8.0	Đạt	
12	28211122124	Tạ Thành	Duy	26/02/2004	Quảng Ngãi	31THT4	5.7	5.3	Đạt	
13	28206653210	Trần Thị Mỹ	Duyên	07/04/2004	Thừa Thiên H	31TBN5	7.3	5.8	Đạt	
14	28206502378	Võ Thị Mỹ	Duyên	12/10/2003	Khánh Hòa	31TBN5	7.7	9.3	Đạt	
15	28204301506	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/02/2004	Quảng Bình	31TBN5	6.0	6.5	Đạt	
16	28206703211	Nguyễn Thị Hương	Giang	31/10/2004	Gia Lai	31TBN1	5.7	6.0	Đạt	
17	27202628544	Võ Thị Hương	Giang	25/10/2003	Quảng Nam	31TBN5	V	V	Không Đạt	
18	28204327880	Đỗ Việt	Hà	12/12/2004	Quảng Nam	31TBN4	3.3	5.8	Không Đạt	
19	28206553191	Trần Thị Thu	Hà	11/03/2004	Quảng Trị	31TBN5	9.7	6.0	Đạt	
20	28204627186	Huỳnh Giang	Hạ	16/07/2004	Quảng Nam	31TBN5	7.7	7.5	Đạt	
21	27202401640	Phan Thị Bảo	Hân	03/02/2003	Bình Định	31SBN1	6.7	5.3	Đạt	
22	27215345862	Nguyễn Võ Hiếu	Hạnh	05/07/2003	Quảng Nam	31TBN4	5.7	7.0	Đạt	
23	28217235242	Nguyễn Trung	Hiếu	12/10/2004	Quảng Nam	31THT4	7.0	7.0	Đạt	
24	28204401271	Phạm Thị Ngọc	Hiếu	31/01/2004	Quảng Ngãi	31TBN4	6.7	8.5	Đạt	
25	27212237336	Huỳnh Bá	Hiệu	22/01/2003	Đà Nẵng	31TBN5	V	V	Không Đạt	
26	28212353185	Nguyễn Minh	Hoài	05/10/2004	Đắk Lắk	31TBN4	6.0	6.3	Đạt	
27	28207142155	Phạm Thị Tuyết	Hoàng	29/08/2004	Quảng Nam	31THT4	8.0	7.5	Đạt	
28	28206621878	Đinh Phạm Khánh	Hương	22/09/2004	Đà Nẵng	31TBN5	9.0	8.3	Đạt	
29	27207227829	Đỗ Thị Mai	Hương	05/09/2003	Phú Yên	31TBN4	5.7	7.0	Đạt	
30	27206622653	Lê Thị	Huyền	07/03/2003	Đắk Lắk	31THT4	7.7	7.5	Đạt	
31	28204606988	Lê Thị Khánh	Huyền	30/06/2004	Quảng Bình	31TBN4	7.0	10.0	Đạt	
32	28206904288	Mai Thị Thu	Huyền	17/07/2004	Quảng Ngãi	31TBN4	8.3	10.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	26/10/2004	Gia Lai	31TYC1	5.3	5.0	Đạt	
34	28204406970	Võ Lương Thanh	Huyền	01/01/2004	Quảng Ngãi	31TBN4	7.0	8.0	Đạt	
35	28212302011	Nguyễn Anh	Kha	31/10/2004	Bình Định	31TBN4	4.0	8.8	Không Đạt	
36	28207306214	Đặng Minh	Khuê	18/11/2004	Khánh Hòa	31THT4	7.7	10.0	Đạt	
37	27214348189	Lê Trần Tuấn	Kiệt	13/01/2003	Bình Định	30SSC8	5.7	8.5	Đạt	
38	27211241655	Hồ Ngọc	Lâm	04/07/2003	Quảng Trị	31THT4	6.7	8.5	Đạt	
39	27206648194	Tạ Thị	Lân	12/01/2003	Quảng Trị	31THT4	9.3	8.5	Đạt	
40	28206606017	Nguyễn Hà Phương	Linh	02/01/2004	Đà Nẵng	31TBN5	10.0	6.5	Đạt	
41	28205154665	Nguyễn Minh Thùy	Linh	07/01/2004	Bình Định	31TBN5	9.3	5.8	Đạt	
42	28209439718	Nguyễn Thị Thùy	Linh	31/10/2004	Quảng Bình	31SBN1	6.0	7.3	Đạt	
43	28204352376	Phạm Thị Thảo	Linh	16/02/2004	Đắk Lắk	31TBN4	4.0	5.8	Không Đạt	
44	28208205741	Nguyễn Thị Sao	Ly	03/11/2004	Thừa Thiên H	31TBN5	8.7	6.0	Đạt	
45	28206204901	Nguyễn Thị Tường	Ly	10/02/2004	Quảng Nam	31TBN4	8.3	9.5	Đạt	
46	28205151766	Phan Kiều	Ly	25/03/2004	Quảng Nam	31TBN4	4.3	5.0	Không Đạt	
47	27206648246	Trần Phạm Hương	Ly	28/01/2003	Đắk Lắk	31THT4	6.7	9.8	Đạt	
48	28206704044	Trần Thảo	Ly	11/01/2004	Đắk Lắk	31TBN4	V	V	Không Đạt	
49	27203926355	Hoàng Quỳnh	Mai	20/07/2003	Quảng Bình	31TBN5	6.7	6.3	Đạt	
50	28204641630	Hồ Thị Ly	Na	15/07/2004	Quảng Nam	31THT4	8.0	7.8	Đạt	
51	28204653279	Nguyễn Ngọc Li	Na	10/02/2004	Quảng Nam	31THT4	7.0	7.5	Đạt	
52	28214602145	Lê Văn	Nam	02/08/2004	Bình Định	31THT4	6.7	9.8	Đạt	
53	28207102984	Lê Thị	Nga	28/10/2003	Hà Tĩnh	31THT4	7.3	6.0	Đạt	
54	28205236715	Nguyễn Thị Tố	Nga	05/07/2004	Quảng Nam	31TYC1	3.3	1.5	Không Đạt	
55	27202642839	Đỗ Thị Mỹ	Ngân	22/01/2003	Kon Tum	31TBN4	V	V	Không Đạt	
56	28206602416	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	27/04/2004	Bình Định	31TBN5	V	V	Không Đạt	
57	28206552754	Trần Mai Bảo	Ngọc	29/03/2004	Quảng Ngãi	31TBN4	5.0	6.0	Đạt	
58	28205140602	Võ Bích	Ngọc	09/11/2004	Kon Tum	31TBN4	4.3	7.0	Không Đạt	
59	27205352129	Nguyễn Lê Kim	Nguyên	25/08/2003	Quảng Nam	31TBN4	7.7	10.0	Đạt	
60	28206653699	Đỗ Quỳnh	Nhi	30/09/2004	Kon Tum	31TBN5	8.7	6.0	Đạt	
61	29207257539	Lương Thị Yến	Nhi	19/08/2005	Khánh Hòa	31TBN4	6.3	10.0	Đạt	
62	28204804739	Trương Yến	Nhi	14/06/2004	Quảng Nam	31THT4	8.3	7.5	Đạt	
63	28207100241	Đoàn Thị Thanh	Như	21/02/2004	Bình Định	31THT4	9.0	6.5	Đạt	
64	28206601013	Tạ Thị Quỳnh	Như	10/06/2004	Quảng Ngãi	31TBN5	8.7	4.0	Không Đạt	
65	28207245326	Trần Quỳnh	Như	02/08/2004	Quảng Bình	31THT4	6.0	5.8	Đạt	
66	28204601723	Từ Thị	Như	19/11/2004	Quảng Trị	31TBN5	7.3	7.5	Đạt	
67	28216125827	Lê Thị	Phương	13/03/2004	Thanh Hóa	31TBN5	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28214752704	Trương Minh	Quang	12/06/2004	Quảng Nam	31TBN5	8.3	7.5	Đạt	
69	27212253011	Nguyễn Văn	Quý	11/02/2003	Quảng Trị	31TBN1	7.0	5.3	Đạt	
70	27202238478	Nguyễn Thị Ánh	Quỳnh	13/09/2003	Đắk Nông	31TBN4	5.0	9.3	Đạt	
71	29207252036	Phạm Thị Diệu	Quỳnh	01/04/2005	Đà Nẵng	31TBN4	10.0	10.0	Đạt	
72	27202142778	Hoàng Thị Ngọc	Tài	25/04/2003	Thừa Thiên H	31THT4	7.0	7.0	Đạt	
73	28207104817	Đinh Thị	Tâm	02/09/2004	Quảng Bình	31THT4	9.7	7.0	Đạt	
74	28206706540	Lê Thị Minh	Tâm	26/06/2004	Thừa Thiên H	31TBN5	9.3	6.0	Đạt	
75	28204604953	Thân Ngọc Đoan	Tâm	09/07/2004	Đà Nẵng	31TBN5	8.3	2.3	Không Đạt	
76	28214741629	Trần Thiện	Tâm	20/09/2004	Quảng Nam	31THT4	4.0	5.0	Không Đạt	
77	29219040061	Hồ Nguyễn	Thắng	26/03/2005	Đà Nẵng	31THT4	6.3	9.5	Đạt	
78	28214304041	Lê Văn	Thắng	24/08/2004	Đắk Nông	31SBN1	5.0	3.3	Không Đạt	
79	28206505336	Đoàn Thị Phương	Thanh	08/10/2004	Hà Tĩnh	31TBN4	4.7	3.8	Không Đạt	
80	27211502468	Nguyễn Xuân	Thanh	22/01/2003	Quảng Ngãi	31THT4	8.3	8.5	Đạt	
81	28204303123	Trần Thị Lệ	Thi	10/07/2004	Quảng Trị	31TBN5	6.0	7.5	Đạt	
82	28207103406	Phạm Thị Kim	Thoa	14/08/2004	Quảng Nam	31THT4	2.0	7.0	Không Đạt	
83	28206705908	Nguyễn Thị Minh	Thu	24/03/2004	Đà Nẵng	31TBN5	9.0	6.8	Đạt	
84	28206604968	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	31/07/2004	Quảng Nam	31TBN5	8.3	3.3	Không Đạt	
85	28204205200	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/01/2004	Đà Nẵng	31THT4	6.7	3.8	Không Đạt	
86	28207106620	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	10/11/2004	Kon Tum	31THT4	5.0	5.8	Đạt	
87	28205201124	Võ Hà Anh	Thư	07/09/2004	Bình Định	31TBN5	7.0	5.3	Đạt	
88	28205227655	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	15/09/2004	Đà Nẵng	31THT4	4.3	5.0	Không Đạt	
89	27208726202	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/04/2003	Đà Nẵng	31TYC1	6.0	2.8	Không Đạt	
90	28207354884	Võ Thị Thu	Thủy	14/08/2004	Quảng Bình	31THT4	6.3	9.3	Đạt	
91	27205236196	Lê Thủy	Tiên	15/11/2003	Quảng Bình	31TBN5	8.7	8.0	Đạt	
92	28206551506	Nguyễn Thị	Tiến	05/08/2004	Nghệ An	31TBN4	V	V	Không Đạt	
93	27202936124	Trần Thị Thanh	Tiền	26/07/2003	Phú Yên	31TBN2	7.0	5.0	Đạt	
94	27212526199	Mai Ngọc	Trâm	11/07/2003	Đà Nẵng	31TBN4	4.7	8.5	Không Đạt	
95	28205102103	Nguyễn Minh	Trâm	01/11/2004	Gia Lai	31TBN4	3.0	5.0	Không Đạt	
96	28208002162	Đặng Thùy	Trang	30/11/2004	Bình Định	31TBN4	7.3	8.0	Đạt	
97	28206652921	Lương Thị Hoài	Trang	05/03/2004	Hà Tĩnh	31THT4	6.0	5.5	Đạt	
98	28204320329	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	29/10/2004	Quảng Ngãi	31THT4	5.0	5.3	Đạt	
99	28214502388	Võ Văn	Trọng	08/12/2004	Đắk Lắk	31TBN4	6.7	7.3	Đạt	
100	28206230462	Nguyễn Phan Thanh	Tú	07/11/2004	Đà Nẵng	31TBN5	7.3	9.5	Đạt	
101	27211348985	Hà Chung	Tuấn	05/03/2003	Gia Lai	31TSC1	9.3	9.3	Đạt	
102	28206736044	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	03/01/2004	Quảng Nam	31TBN5	7.7	8.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28204500455	Nguyễn Ty	Ty	16/07/2004	Bình Định	31TBN4	5.0	8.0	Đạt	
104	28204754747	Trần Thị Như	Uyên	27/03/2004	Quảng Nam	31TBN4	5.0	7.3	Đạt	
105	28206703531	Trần Tú	Uyên	31/05/2004	Đà Nẵng	31TBN5	6.3	7.5	Đạt	
106	28204644729	Lê Thị Yến	Vy	04/03/2004	Gia Lai	31THT4	9.3	9.3	Đạt	
107	28204103734	Nguyễn Thị Tường	Vy	14/06/2004	Đà Nẵng	31THT4	8.3	9.3	Đạt	
108	27216653201	Trương Lê Hoàng	Vy	30/06/2003	Đà Nẵng	31THT4	8.0	10.0	Đạt	
109	26217232213	Nguyễn Chiu Ngọc	Xuân	04/03/2002	Vũng Tàu	31TBN4	7.3	7.0	Đạt	
110	28206639319	Huỳnh Lê Như	Ý	13/05/2004	Đà Nẵng	31TBN5	8.7	7.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh